

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 63/2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2010

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi
đối với một số mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi**

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi như sau:

Điều 1. Mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi:

Điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng gồm hạt nhựa ABS mã số 3903.30.90.10; hạt nhựa GPPS mã số 3903.11.00.10; hạt nhựa HIPS mã số 3903.19.00.10 quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 216/2009/QĐ-BTC ngày 12/11/2009 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

**DANH MỤC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI
MỘT SỐ MẶT HÀNG TẠI BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2010/TT-BTC
ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính)*

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
39.03				Polyme từ styren, dạng nguyên sinh.	
				- Polystyren:	
3903	11	00		-- Loại giãn nở được:	
3903	11	00	10	--- Dạng hạt	2
3903	11	00	90	--- Dạng khác	5
3903	19	00		-- Loại khác:	
3903	19	00	10	--- Dạng hạt	2
3903	19	00	90	--- Dạng khác	5
3903	20			- Copolyme styren-acrylonitril (SAN) :	
3903	20	30		-- Dạng phân tán:	
3903	20	30	10	--- Trong nước	10
3903	20	30	90	--- Loại khác	5
3903	20	90	00	-- Loại khác	5
3903	30			- Copolyme acrylonitril-butadie-styren (ABS):	
3903	30	30		-- Dạng phân tán:	
3903	30	30	10	--- Trong nước	10
3903	30	30	90	--- Loại khác	5
3903	30	90		-- Loại khác:	
3903	30	90	10	--- Dạng hạt	2
3903	30	90	90	--- Dạng khác	5
3903	90			- Loại khác:	
3903	90	30		-- Dạng phân tán:	
3903	90	30	10	--- Trong nước	5
3903	90	30	90	--- Loại khác	5
3903	90	90	00	-- Loại khác	5